TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T X	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ H N	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
====== o0o ======	**===== *** ======**

Bản án số: 89/2020/ HSST
Ngày: 26/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tòa án Nhân dân Quận T X

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh H**
- Các hội thẩm nhân dân : **Bà Chu Thị T**
Bà Hoàng Thị Xuân H

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Vũ Thanh T** - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận T X

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T X tham gia phiên tòa: **Bà Dương Thị Thu N** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T X, thành phố H N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2020/HSST ngày 26/3/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST – HS ngày 08/5/2020, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh Q – Sinh năm 1997; tên gọi khác; không; giới tính: nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: số 2 ngõ 52 M K, phường T Đ, quận H H T, thành phố H N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H; có con là Nguyễn Gia B sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/6/2016 phòng PC 04 xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; danh chỉ bản số: 09 lập ngày 02/12/2019 tại Công an quận T X; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/11/2019, tạm giam ngày 26/12/2019. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T – Sinh năm 1991; tên gọi khác; không; giới tính: nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: số 15 ngõ 70 T Đ, phường T Đ, quận H H T, thành phố H N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M; vợ con chưa có; tiền án: ngày 03/7/2017 Tòa án nhân dân quận H M xử 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ra trại ngày 14/12/2019); tiền sự: không; nhân thân: - Ngày 29/4/2008 Tòa án nhân dân Quận Đ Đ xử 6 tháng tù treo (thử thách 12 tháng) tội trộm cắp tài sản. (án đã xóa)

- Ngày 28/10/2008 Tòa án nhân dân Quận Đ Đ xử 08 tháng tù cộng 6 tháng tù tại bản án ngày 29/4/2008 của Tòa án nhân dân Quận Đ Đ. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho 02 bản án là 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt

thi hành án. (án đã xóa), - Ngày 18/12/2008 Tòa án nhân dân Quận C G xử 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt 14 tháng tù của hai bản án ngày 29/4/2008 và ngày 28/10/2008 của Tòa án nhân dân Quận Đ Đ. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho ba bản án là 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2008. (án đã xóa), - Ngày 27/5/2011, Tòa án nhân dân Quận H B T xử phạt 30 tháng tù can tội Tàng trữ trái phép chất ma Ty. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2011. (án đã xóa); danh chỉ bản số: 10 lập ngày 02/12/2019 tại Công an quận T X; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/11/2019, tạm giam ngày 26/12/2019. Có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Trú tại: tầng 4 nhà số 24 ngõ 342 K Đ, phường H Đ, quận T X, H N. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Vũ Thanh H, sinh năm 1992; trú tại: số 43 ngách 82 ngõ 459 B M, H B T, H N; Nơi ĐKHKTT: số 41 Đ C V, quận H B T, H N. Có mặt.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 ngày 30/11/2019 Nguyễn Mạnh Q rủ em họ là Nguyễn Văn T đi vay tiền với Q ở khu vực K G, quận T X, H N, T đồng ý. Đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, T sử dụng xe máy Honda Wave màu trắng – đen – bạc không đeo Biển kiểm soát đèo Q đến khu vực đường K Đ thì thấy chị Lê Thị L (Sinh năm 1989; Trú tại 24/342 K Đ, H Đ, T X, H N đang đèo mẹ là bà Nguyễn Thị T (Sinh năm 1966, trú tại số 24 ngõ 342 K Đ, H Đ, T X, H N) bế con chị L, trên cổ bà T đeo 01 (một) sợi dây chuyền màu vàng, lúc này Q nảy sinh ý định cướp giật chiếc dây chuyền này. Khi thấy chị L đèo bà T đi vào ngõ 342 K Đ, Q bảo T đi vào ngõ 342 K Đ. Lúc này, Q thấy chị L dừng xe trước ngõ 342 K Đ, còn bà T đang bế cháu bé con chị L đi về phía số nhà 24, Q bảo T đi vượt lên một đoạn khoảng 10 – 20m rồi quay đầu lại đề Q cướp giật chiếc dây chuyền của bà T, T đồng ý. Sau đó T điều khiển xe qua bà Toàn một đoạn rồi quay lại, T áp sát bà T để Q dùng tay trái giật mạnh sợi dây chuyền trên cổ bà T làm sợi dây dứt làm hai đoan (một đoạn dài 11cm, một đoàn dài 36 cm). Q cầm đoạn dây chuyền dài khoảng 11cm, T tăng ga bỏ chạy hướng ra đầu ngõ 342 K Đ được khoảng 7 – 8m thì va chạm với xe của chị Lê Thị L (Sinh năm 1994, trú tại số 24 ngõ 342 K Đ, H Đ, T X, H N, là con gái của bà T) rồi ngã ra đường, Q thả sợi dây chuyền dài 11cm xuống đất. Lúc này Q và T bị quần chúng nhân dân giữ lại báo Công an phường H Đ ra đưa Q và T về trụ sở để tiếp tục làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Mạnh Q và Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trêu.

Cơ quan công an thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 (một) xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu Honda loại Wave alpha màu trắng – đen – bạc không đeo Biển kiểm soát, có Số khung: 111770; Số máy 0968177.

Cơ quan công an thu giữ của bà Nguyễn Thị T: 02 (hai) đoạn dây chuyền dạng trang sức đeo cổ, chất liệu kim loại có màu vàng, 01 (một) đoạn có chiều dài 36cm, 01 (một) đoạn có chiều dài 11cm.

Tại Bản kết luận giám định số 180/C09-P4 ngày 20/01/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công An: 02 (hai) đoạn dây chuyền kim loại màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng 15,00 gam đều là vàng (Au); hàm lượng trung bình Au: 99,29%.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 50/KLĐG ngày 07/02/2020 của Hội đồng Định giá thường xuyên tài sản trong Tố tụng hình sự: 02 (hai) đoạn dây chuyền vàng (một đoạn dài 11cm, một đoàn dài 36cm) có tổng khối lượng 15,00 gam có giá là: 16.470.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại dây chuyền cho bà T, bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Đối với chiếc xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu Honda loại Wave alpha màu trắng – đen – bạc không đeo Biển kiểm soát, có Số khung: 111770; Số máy 0968177 thu giữ của Nguyễn Văn T. Qua xác minh chiếc xe trên là của chị Vũ Thanh H (Sinh năm 1992, trú tại số 43 ngách 82 ngõ 459 B M, H B T, H N, là bạn gái của Nguyễn Văn T), chị H mua chiếc xe trên từ 06/2019 nhưng chưa đăng ký Biển kiểm soát. Chị H cho T mượn xe để đi lại từ tháng 11/2019. Chị H không biết việc T sử dụng chiếc xe để làm phương tiện phạm tội. Chị H xin được nhận lại chiếc xe. Cơ quan điều tra chuyển chiếc xe trên Chi cục Thi hành án dân sự Quận T X để giải quyết theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 58/CT – VKSTX ngày 24/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận T X truy tố Nguyễn Mạnh Q và Nguyễn Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T X tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Mạnh Q và Nguyễn Văn T về tội Cướp tài sản, sau khi phân tích đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Q từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù; xử phạt bị cáo T từ 48 tháng tù đến 54 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo;

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến bào chữa và cũng không tranh luận với bản luận tội và kết tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T X, thành phố H N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T X, H N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Mạnh Q và Nguyễn Văn T khai nhận nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố là đúng. Qua xét hỏi và tranh luận hai bị cáo khai nhận: khoảng 15 giờ 30 ngày 30/11/2019 Nguyễn Văn T đèo Nguyễn Mạnh Q trên xe máy Honda Wave màu trắng – đen – bạc không đeo biển kiểm soát, có số khung 111770, số máy 0968177 để Q dùng tay cướp giật 01 sợi dây chuyền vàng có tổng khối lượng 15 gam có giá trị 16.470.000 đồng của bà Nguyễn Thị T tại trước số 24 ngõ 342 phường H Đ, quận T X, H N. Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai của hai bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung trình báo, lời khai của người bị hại và tang vật của vụ án mà bị cáo chiếm đoạt. Hành vi phạm tội của bị cáo và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt đã đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Mạnh Q và Nguyễn Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung "dùng thủ đoạn nguy hiểm". Tội danh và hình phạt đ- ợc quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đe dọa xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đây là vụ án có đồng phạm tham gia, bản thân hai bị cáo là thanh niên có sức khỏe, đáng lẽ phải làm ăn lương thiện, song đã coi thường pháp luật, muốn hưởng lợi bất chính bằng tài sản của người khác nên hai bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người điều khiển xe, bị cáo Q là người giật sợi dây chuyền của bà T. Vì vậy buộc hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình bằng hình phạt tù giam tương xứng để hai bị cáo nhận thức được sai phạm, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo T có nhân thân xấu, đã 04 lần bị xử lý hình sự, lần thứ năm là ngày 03/7/2017 bị cáo T bị Tòa án nhân dân quận H M xử 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ra trại ngày 14/12/2019) tính đến nay chưa được xóa án là tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, nên mức hình phạt áp dụng cho bị cáo T cao hơn bị cáo Q.

Tuy nhiên khi l- ợng hình, Hội đồng xét xử có xem xét tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Q và bị cáo T có thái độ khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn

hối cải, tài sản đã được thu hồi trao trả cho bị hại; đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập.Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự : người bị hại là bà Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu trắng đen bạc không đeo biển kiểm soát, có số khung 111770, số máy 0968177 thu giữ của T, T khai chiếc xe trên là của chị Vũ Thanh H, chị H cho T mượn xe để đi lại và không biết việc T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Tại phiên tòa chị H xin được nhận lại chiếc xe, xét chiếc xe trên là tài sản của chị H nên cần trả lại chị H.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh Q và Nguyễn Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng: - Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; (đối với bị cáo Q)

- Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; (đối với bị cáo T)

- Các 106; 136; 298; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: - Bị cáo Nguyễn Mạnh Q 42 (bốn mươi hai) tháng tù**.** Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2019.

- Bị cáo Nguyễn Văn T 48 (bốn mươi tám) tháng tù**.** Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2019.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Xử lý vật chứng: trả lại chị H 01 xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu Honda loại Wave alpha (α) màu trắng đen bạc, không đeo biển kiểm soát, số khung 111770, số máy 0968177 (tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T X)

<u>Về án phí</u> : Bị cáo Nguyễn Mạnh Q và bị cáo Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp **200.000đồng** (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Nguyễn Mạnh Q và bị cáo Nguyễn Văn T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người bị hại bà Nguyễn Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của chị H trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

<u>Nơi nhận</u>
- TAND thành phố H N.
- VKSND thành phố H N
- VKSND quận T X.
- Chi cục thi hành án dân sự quận T X
- UBND phường T Đ, quận H H T, thành phố H N
- Bị cáo..
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh H